

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀ SÀI GÒN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA SCIC TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀ SÀI GÒN

Bản công bố thông tin này được tổ chức tư vấn soạn thảo và công bố phản ánh trung thực dựa trên các tài liệu và thông tin do Công ty Cổ phần Đà Sài Gòn cung cấp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Cổ đông bán cổ phần không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty Cổ phần Đà Sài Gòn cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty Cổ phần Đà Sài Gòn.



Tổ chức bán vốn

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
VỐN NHÀ NƯỚC - Chi nhánh Khu vực phía Nam**

Địa chỉ: Số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3,
TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 39333818 - Fax: (84-8) 39333822



Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Trụ sở chính: 198 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú
Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 73068686 - Fax: (84-8) 35170634

CÔNG TY CỔ PHẦN DA SÀI GÒN

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0300393721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 26 tháng 12 năm 2012)

CHÀO BÁN CỔ PHẦN THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Da Sài Gòn
Vốn điều lệ : 21.004.936.606 đồng
Tổng số cổ phần : 2.100.493 cổ phần

Thông tin về đợt chào bán

Tên cổ phiếu chào bán : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Da Sài Gòn**
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng chào bán : 171.993 cổ phần (Tương đương 8,19% vốn điều lệ)
Giá khởi điểm đấu giá : 16.350 đồng/cổ phần

➔ TỔ CHỨC TƯ VẤN :

Tên công ty : **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh**
Trụ sở chính : Số 198 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại : 08. 73068686 Fax: 08. 3517 0634
Chi nhánh Hà Nội : 10 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : 04. 73068686 Fax: 04. 3933 4968
Website : www.bmsc.com.vn

➔ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN :

Tên công ty : **Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM**
(AISC)
Trụ sở tại TP.HCM : 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP.HCM
Điện thoại : (84.8) 3930 5163 Fax : (84.8) 3930 4281
Website : www.aisc.com.vn

MỤC LỤC

I CĂN CỨ PHÁP LÝ	01
II CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	02
1. Rủi ro kinh tế	02
2. Rủi ro lạm phát	02
3. Rủi ro tỷ giá	03
4. Rủi ro về ngành.....	03
5. Rủi ro về nguồn nhân lực.....	03
6. Rủi ro về luật pháp.....	03
7. Rủi ro chào bán.....	04
8. Rủi ro khác.....	04
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	05
1. Công ty cổ phần Da Sài Gòn	05
2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh.....	05
IV CÁC KHÁI NIỆM	05
V TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	06
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	06
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty.....	07
3. Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông.....	10
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty Cổ phần Da Sài Gòn, những công ty mà Công ty Cổ phần Da Sài Gòn đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Công ty Cổ phần Da Sài Gòn.....	12
5. Hoạt động kinh doanh.....	13
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	15
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	17
8. Chính sách đối với người lao động.....	18
9. Chính sách cổ tức.....	20
10. Tình hình hoạt động tài chính	20
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát	25
12. Tài sản.....	30
13. Tình hình sử dụng đất đai	35
14. Kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn 2013 – 2014	36
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	37
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán.....	37
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán	37
VI THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	38
VII PHỤ LỤC	44

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần;
- Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Thông tư 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 19/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 01/6/2009 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Hợp đồng kinh tế số 04/2013/HĐTV-ĐG ngày 25/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh với Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Da Sài Gòn;
- Phụ lục số 04/2013-BMSC/HĐTV-ĐG ký ngày 25/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh với Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Da Sài Gòn;
- Quyết định số 332/QĐ-ĐTKDV ngày 01/08/2013 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Da Sài Gòn;
- Công văn số 1687/ĐTKDV-CNPN ngày 01/08/2013 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc hồ sơ bán đấu giá cổ phần của SCIC tại CTCP Da Sài Gòn;
- Quyết định số _____ ngày _____ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh về việc thành lập Ban tổ chức đấu giá;
- Biên bản cuộc họp ngày 05/08/2013 của Ban tổ chức đấu giá về việc thông qua Hồ sơ bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Da Sài Gòn;

II. CÁC NHẬN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2012, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 5,03% so với năm 2011, trong đó GDP quý 1/2012 tăng 4%, quý 2/2012 tăng 4,66%, quý 3/2012 tăng 5,05%, quý 4/2012 tăng 5,44%. Mặc dù, GDP năm 2012 tăng thấp hơn so với năm 2011 (GDP năm 2011 tăng 5,89%) nhưng có xu hướng cải thiện qua từng quý và đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn, cả nước ưu tiên thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát ổn định kinh tế vĩ mô.

Sáu tháng đầu năm 2013 GDP ước tính tăng 4,90% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%. Tốc độ tăng GDP sáu tháng đầu năm xấp xỉ mức tăng cùng kỳ năm 2012 (4,93%) nhưng thấp hơn nhiều mức tăng 6,22% của cùng kỳ năm 2010 và mức tăng 5,92% của cùng kỳ năm 2011. Mức tăng và mức đóng góp của các khu vực kinh tế sáu tháng đầu năm 2013 cụ thể với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,07%, đóng góp 0,40 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,18%, đóng góp 1,99 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,92%, đóng góp 2,51 điểm phần trăm.

Theo dự báo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (NFSC), tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của năm 2013 ước khoảng 5,3%.

Kinh tế Việt Nam năm 2013 vẫn là một năm tiếp tục khó khăn và các yếu tố vĩ mô vẫn còn nhiều rủi ro. Vì thế, không chỉ CTCP Da Sài Gòn mà các doanh nghiệp khác trong ngành vẫn sẽ chịu tác động bởi các rủi ro này.

2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát (CPI) là một trong những yếu tố vĩ mô có tầm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Năm 2011, CPI bình quân cả nước tăng khá cao với 18,58% so với CPI bình quân năm 2010. Với những chính sách ưu tiên kiềm chế lạm phát của Chính phủ từ năm 2011 đến năm 2012 kết quả CPI đã đạt được kết quả cao hơn so với mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra đầu năm 2012 nhưng tỷ lệ lạm phát này ở mức một con số, theo nguồn từ Tổng cục thống kê CPI tháng 12/2012 tăng 6,81% so với tháng 12/2011, CPI bình quân thực tế năm 2012 tăng 9,21% so với bình quân năm 2011.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2013 tăng 0,05% so với tháng trước, tăng 2,4% so với tháng 12/2012 và tăng 6,69% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2013 tăng 6,73% so với bình quân cùng kỳ năm 2012. Nhìn chung, lạm phát 6 tháng đầu năm 2013 không có biến động lớn và giữ ổn định ở mức tăng hoặc giảm nhẹ. Tuy nhiên, cũng cần thận trọng với CPI hiện nay, vì thị trường cầu hiện đang ở mức thấp, phản ánh sức mua trong dân yếu, đồng nghĩa với sản xuất đang gặp khó khăn về tiêu thụ sản phẩm.

Theo ủy ban giám sát tài chính quốc gia phân tích, lạm phát năm 2013 dự báo sẽ ở mức 6-7%.

3. Rủi ro về tỷ giá

Ngành giày da nói chung và Công ty cổ phần Da Sài Gòn nói riêng chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá, bởi vì hầu hết các nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải nhập khẩu. Khi tỷ giá ngoại tệ biến động sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty. Năm 2011, lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện là 1.924.394.041 đồng.

4. Rủi ro về ngành

Hiện nay, Việt Nam đứng thứ 4 trong 10 nước xuất khẩu giày dép hàng đầu trên thế giới, tuy nhiên 70% doanh nghiệp da giày Việt Nam chuyên làm hàng gia công là chính, trong đó nguyên phụ liệu (da thuộc, bao bì đóng gói, phụ liệu trang trí...) phải nhập tới 70%.

Ngành da giày của Việt Nam xuất khẩu chủ yếu qua ba thị trường là EU, Mỹ và Nhật Bản. Do đó, sự tăng trưởng của ngành da giày phụ thuộc nhiều vào các chính sách nhập khẩu của các nước này.

Để cạnh tranh trên thị trường thế giới, ngành da giày Việt Nam đang từng bước điều chỉnh cơ cấu ngành, đổi mới máy móc thiết bị, chú trọng sản xuất các sản phẩm trung và cao cấp, tập trung quản lý và thiết kế mẫu sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Da Sài Gòn cũng đã đặt ra mục tiêu phát triển cho chính mình trong giai đoạn 2012 – 2014 để phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành, nắm bắt những thuận lợi từ chính sách mà Nhà nước đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành Da giày để phát triển.

5. Rủi ro về nguồn nhân lực

Ngành da giày là một trong những ngành quan trọng của đất nước vì đã góp phần giải quyết việc làm cho phần lớn người lao động. Cũng như các doanh nghiệp trong ngành da giày, Da Sài Gòn cũng gặp phải rủi ro không thu hút được công nhân có tay nghề do giá gia công thấp lại phải chịu hệ lụy từ tình trạng thiếu đơn hàng từ thời gian khủng hoảng kinh tế 2008 làm các doanh nghiệp da giày lâm vào tình cảnh thiếu việc làm và không đủ chi phí để giữ công nhân. Tuy nhiên, với chính sách lao động tạo nhiều điều kiện tốt cho cán bộ công nhân viên trong Công ty làm việc và phát triển, Da Sài Gòn có được đội ngũ nhân lực ổn định, giúp người lao động gắn bó với công việc và công ty.

6. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty cổ phần Da Sài Gòn chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn các Luật này. Tuy nhiên các văn bản dưới luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, quá trình thực thi chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính

sách của Nhà nước thay đổi theo hướng bất lợi cho Công ty cổ phần Da Sài Gòn có thể xảy ra và ảnh hưởng không tốt đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Da Sài Gòn.

7. Rủi ro chào bán:

Công ty chào bán trong giai đoạn thị trường chứng khoán chịu nhiều ảnh hưởng từ những biến động của nền kinh tế vĩ mô, xu hướng thị trường chưa ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy, rủi ro từ đợt chào bán này có thể không được chào bán hết. Bên cạnh đó, doanh nghiệp hoạt động với quy mô nhỏ nên khả năng các nhà đầu tư khác biết đến và quan tâm đầu tư là rất thấp.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty cổ phần Da Sài Gòn

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Da Sài Gòn

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn : Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Đại diện : Ông Lê Thanh Trí

Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Minh

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Da Sài Gòn cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty, Da Sài Gòn	: Công ty cổ phần Da Sài Gòn
HĐQT	: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Da Sài Gòn
BKS	: Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Da Sài Gòn
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Da Sài Gòn
Điều lệ	: Điều lệ của Công ty cổ phần Da Sài Gòn
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Da Sài Gòn
Thành viên chủ chốt	: Thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT Công ty cổ phần Da Sài Gòn Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh,
Người có liên quan	: chị em ruột của thành viên chủ chốt Công ty cổ phần Da Sài Gòn
BCTC	: Báo cáo tài chính
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
Tổ chức kiểm toán	: Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM (AISC)
VĐL	: Vốn điều lệ
VNĐ	: Việt Nam đồng

TSCĐ : Tài sản cố định
 SCIC : Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội và Luật số 62/2010/QH12 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010 các văn bản pháp luật khác có liên quan.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Da Sài Gòn
 - Tên tiếng Anh : SAI GON LEATHER JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt : LEASGO
 - Trụ sở chính : Số 6 đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
 - Điện thoại : 08.38405731 Fax: 08.38405733
 - GCNĐKKD : Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0300393721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/04/2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 26/12/2012
 - Vốn điều lệ hiện tại theo số thực góp : 21.004.936.606 VNĐ(*); theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/12/2012 thì vốn điều lệ: 22.800.000.000 đồng.
- (*): Điều chỉnh phần vốn nhà nước theo Quyết định 3069/QĐ-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Công Thương v/v Điều chỉnh vốn điều lệ của CTCP Da Sài Gòn tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

Ngành nghề hoạt động :

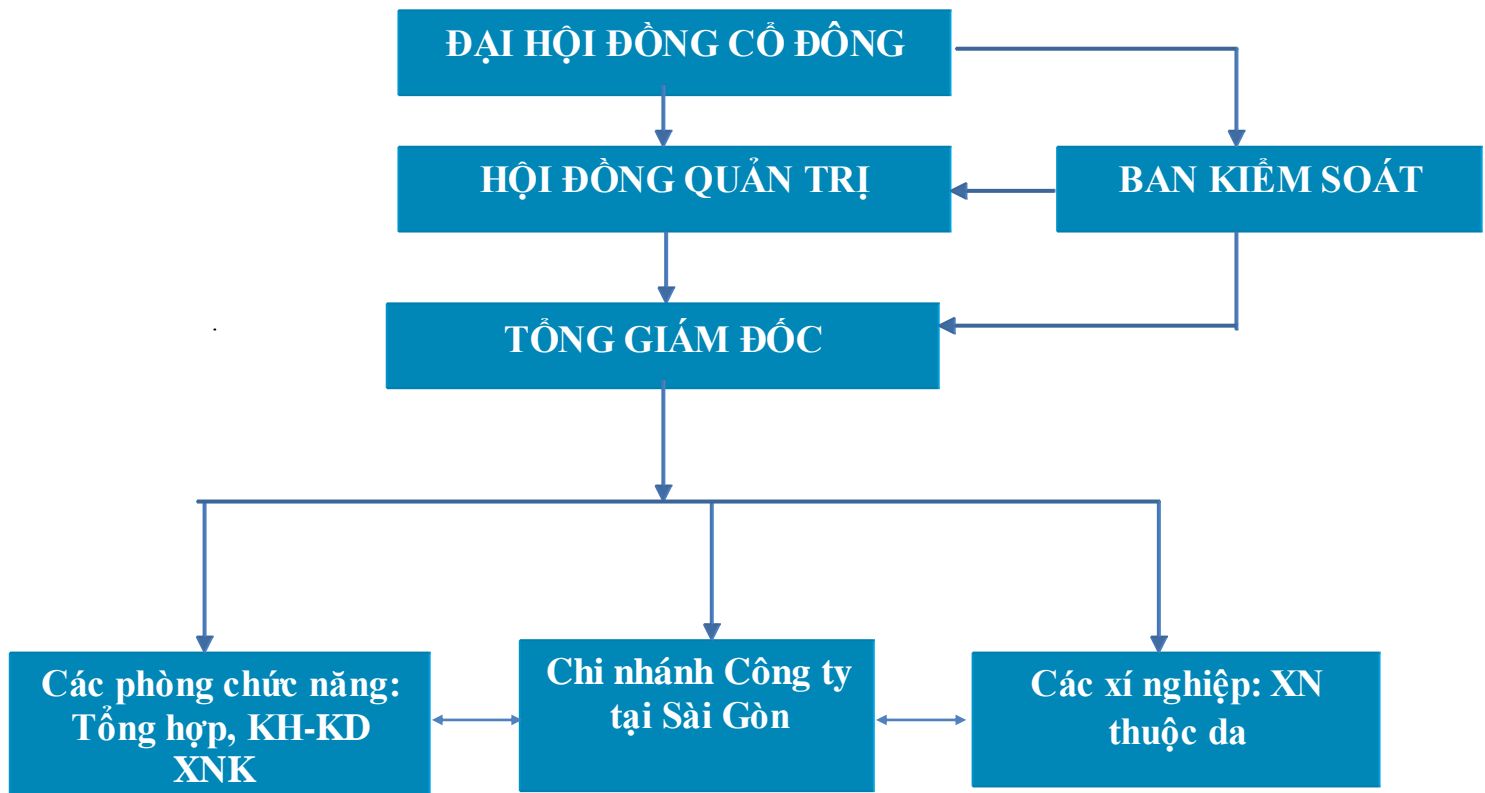
- Sản xuất , mua bán : thuộc da , giả da , vải, sản phẩm chế biến từ da , giả da , keo (trừ thuộc da, tẩy, nhuộm, hồ, in tại trụ sở);
- Mua bán : nguyên phụ liệu sản xuất keo , keo thành phẩm , hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), hàng may mặc ;
- Cho thuê : văn phòng , trung tâm thương mại (chỉ thực hiện đối với các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Kinh doanh nhà ;
- Đào tạo nghề (công nhân , thợ ngành giày da);
- Đại lý ký gửi hàng hóa ;

- Sản xuất mua bán giày dép , nguyên phụ liệu ngành giày dép, tranh vẽ, tranh sơn mài, sản phẩm bằng gỗ, ghê, sofa, tủ, kệ, đồ trang trí nội thất khác, hàng điện – điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre lá (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sản xuất gốm sứ - thủy tinh – bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở);
- Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống).

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty

2.1. Cơ cấu quản lý

Sơ đồ cơ cấu tổ chức



(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

Công ty Cổ phần Da Sài Gòn được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ Phần, tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty như sau:

➤ Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và

đầu tư tài chính mới, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty, quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;

- Xem xét các trường hợp sai phạm và quyết định bãi nhiệm đối với thành viên HĐQT và BKS
- Bầu thành viên HĐQT và BKS nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT và BKS theo quy định của điều lệ này;
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, thông qua quy chế, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phiếu;
- Ấn định các thù lao và quyền lợi của HĐQT và BKS;
- Thông qua điều lệ bổ sung sửa đổi (nếu cần);
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ **Hội đồng quản trị :**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT của Công ty có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc;
- Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy, quy chế nhân viên, biên chế, quỹ lương và giải quyết chuyển nhượng cổ phần;
- HĐQT trình Đại hội cổ đông quyết định: Kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch huy động vốn của Công ty; tăng giảm vốn điều lệ; Các báo cáo về hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hằng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và duyệt phương án tổ chức bộ máy Công ty;
- Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi điều lệ Công ty;
- Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức Đại hội cổ đông thường kỳ và bất thường;
- Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của HĐQT;
- Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- Quyết định đầu tư các dự án phát sinh không quá 30% vốn điều lệ được duyệt dự toán thiết kế và quyết toán của công trình đầu tư đã thông qua Đại hội cổ đông;

- Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh của Công ty;
- HĐQT có thể hủy các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông và các quy định của HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

➤ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên do Đại hội cổ đông bầu và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Ban kiểm soát Công ty có quyền và nhiệm vụ sau:

- Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.
- Mỗi kiểm soát viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn sau:
 - + Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
 - + Được quyền yêu cầu các Phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp các số liệu khi phát hiện có sai phạm. Các yêu cầu này phải được thông báo đến Tổng giám đốc Công ty để triển khai thực hiện;
 - + Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra bản tổng kết năm tài chính;
 - + Khi phát hiện những vấn đề chưa đúng về quản lý tài chính, thông báo cho Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị để xem xét và giải quyết. Trong trường hợp không giải quyết thì báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xem xét. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về trách nhiệm của kiểm soát viên;
 - + Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT;
 - + Tham dự các cuộc HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến đúng nhưng khác với quyết định HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội cổ đông gần nhất.
 - + Khi phát hiện có sai phạm nghiêm trọng về quản lý tài chính, đã có báo cáo HĐQT và Tổng giám đốc, nhưng không được giải quyết thì 2/3 số kiểm soát viên có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để giải quyết.
- Kiểm soát viên hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội cổ đông, chi phí cho kiểm soát

viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

➤ Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 3 năm. Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư vào Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay các thành viên Hội đồng Quản trị nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm soát biết;
- Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng Quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Phó Tổng Giám đốc Công ty là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp với Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

3. Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông:

3.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0300393721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/04/2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 26/12/2012 danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Đại diện vốn cổ đông	Việt Nam	0	0	0,00%
2	Dương Tiến Viễn	17 Năm Châu, phường 11, quận Tân Bình, TP.HCM	0	0	0,00%
3	Lê Văn Lợi	629 Hậu Giang, phường 11, quận 6, TP.HCM	570.000	5.700.000.000	25%
4	Lê Văn Thân	5 Sông Thao, phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM	67.281	672.810.000	2,95%
5	Nguyễn Đức Hà	84ter Cư xá Đô Thành, phường 4, quận 3, TP.HCM	0	0	0,00%
6	Nguyễn Đức Hiếu	38/12B Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh, TP.HCM	60.489	604.890.000	2,65%
7	Và 37 cổ đông khác	Việt Nam	1.230.730	12.307.300.000	53,98%
8	Vốn Nhà nước, Đại diện:	Việt Nam	351.500	3.515.000.000	15,42%

Ghi chú: Cổ đông sáng lập của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến nay đã hết thời hạn 03 năm do đó các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ và các cổ đông được tự do chuyển nhượng theo quy định.

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Da Sài Gòn tại thời điểm ngày 30/06/2013.

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	117 Trần Duy Hưng, Q.Cầu giấy, Hà Nội	171.993	8,19%
2	Lý Văn Nghĩa	Số 8 đường 74, P.10, Q6, TP.HCM	1.330.000	63,32%
3	Nguyễn Thị Phương Song	101 Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM	295.542	14,07%
4	Khương Tố Huệ	Số 99 đường Sương Nguyệt Ánh, P. Bến Thành, Q1, TP.HCM	152.000	7,24%
Tổng cộng			1.949.535	92,82%

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

3.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Da Sài Gòn tại thời điểm 30/06/2013

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) sở hữu
1	Cá nhân	1.928.500	91,81%
2	Tổ chức	171.993	8,19%
	Tổng cộng	2.100.493	100,00%

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty Cổ phần Da Sài Gòn, những công ty mà Công ty Cổ phần Da Sài Gòn đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Công ty Cổ phần Da Sài Gòn:

4.1. Công ty mẹ: Không có

4.2. Công ty con: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

- ✓ Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
 - Sản xuất, mua bán: thuộc da, giả da, vải, sản phẩm chế biến từ da, giả da, keo (trừ thuộc da, tẩy nhuộm, hồ, in tại trụ sở);
 - Sản xuất, kinh doanh keo, mua bán nguyên phụ liệu sản xuất keo và keo thành phẩm, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), hàng may mặc;
 - Cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại, kinh doanh nhà ở cao tầng;
 - Đào tạo công nhân kỹ thuật, thợ ngành giày da;
 - Đại lý ký gửi hàng hóa;
 - Sản xuất mua bán giày dép, nguyên phụ liệu ngành giày dép, tranh vẽ, tranh sơn mài, sản phẩm bằng gỗ, ghế, ghế sofa, tủ, kệ, đồ trang trí nội thất khác, hàng điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ (trừ gia công cơ khí tái chế phế thải, xi mạ điện, sản xuất gốm sứ - thủy tinh – bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở);
 - Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống)

Các mặt hàng công ty sản xuất ra đều được xuất khẩu qua nước ngoài, công ty không có doanh thu nội địa.

- ✓ Sản phẩm chính của Công ty Da Sài Gòn là gia công da mặt phèn.

5.2. Doanh thu năm 2011, năm 2012 và quý 1/2013:**ĐVT: đồng**

NHÓM SẢN PHẨM	Năm 2011		Năm 2012		Quý 1/2013	
	DTT	%DTT	DTT	%DTT	DTT	%DTT
Doanh thu thuần cho thuê nhà kho	-	0%	3.132.076.957	62,98%	1.096.503.773	100%
Doanh thu thuần đại lý Hồng Kông	-	0%			-	0%
Doanh thu thuần xí nghiệp da Hiệp Phước	5.854.415.565	100%	1.841.145.213	37,02%	-	0%
Doanh thu thuần đại lý ký gửi hàng hóa	-	0%			-	0%
Doanh thu phòng thị trường mới					-	0%
Doanh thu XN da Việt Nam					-	0%
Tổng cộng	5.854.415.565	100%	4.973.222.170	100%	1.096.503.773	100%

Nguồn: CTCP Da Sài Gòn

Giai đoạn năm 2010-2011, doanh thu thuần từ xí nghiệp da Hiệp Phước đóng góp 90,51%-100% vào tổng doanh thu thuần của Công ty.

Doanh thu thuần năm 2011 của Công ty đạt 5.854.415.565 đồng, giảm 68,77% so với năm 2010. Nguyên nhân, năm 2011 Doanh thu của Công ty chỉ từ hoạt động kinh doanh chính là hoạt động sản xuất da của xí nghiệp da Hiệp Phước, còn các hoạt động khác đều bị thu hẹp do kinh tế năm 2011 khó khăn với lạm phát tăng cao.

Năm 2012, kinh tế tiếp tục khó khăn và doanh nghiệp dừng hoạt động sản xuất gia công cho đối tác ZIBO Trung Quốc tại nhà máy Thuộc da Hiệp Phước do giá gia công thấp, nguồn cung ứng nguyên liệu của đối tác thiếu ổn định, vì thế doanh thu từ xí nghiệp Da Hiệp Phước chỉ đạt 1.841.145.213 đồng, chiếm 37,02% trong tổng doanh thu thuần. Phần lớn khoản doanh thu thuần còn lại của năm 2012 là doanh thu cho thuê nhà kho. Quý 1/2013, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.096.503.773 đồng.

5.3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh năm 2011, 2012 và quý 1/2013**ĐVT: đồng**

STT	Danh mục	Năm 2011	Năm 2012	Quý 1/2013
1	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (1)	5.854.415.565	4.973.222.170	1.096.503.773

2	Giá vốn hàng bán (2)	6.799.115.340	1.806.688.115	0
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (3=1-2)	(944.699.775)	3.166.534.055	1.096.503.773
4	Tỷ lệ Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần (4=3/1)	-16,1%	63,7%	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của CTCP Da Sài Gòn)

Kinh tế khó khăn hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp bị thu hẹp dần do đó, giá vốn hàng bán cũng giảm dần và tỷ lệ lợi nhuận gộp được cải thiện. Bước sang quý 1/2013, doanh thu của Công ty chỉ còn từ hoạt động cho thuê nhà, mặt bằng nên không có giá vốn hàng bán và vì thế tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu thuần là 100%.

5.4. Nguồn hàng phục vụ kinh doanh:

Nguyên liệu chủ yếu để phục vụ cho hoạt động sản xuất , kinh doanh mua bán thuộc da , giá da, vải, sản phẩm chế biến từ da của Công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài , phần lớn nhập khẩu từ Trung Quốc .

5.5. Chi phí hoạt động kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục Chi phí

ĐVT: đồng

Chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Quý 1/2013	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	6.799.115.340	116,14%	1.806.688.115	36,3%	0	0,0%
Chi phí bán hàng	28.521.852	0,49%	-	0,0%	0	0,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.479.743.655	110,68%	4.563.258.093	91,8%	1.103.173.801	100,61%
Chi phí tài chính	3.920.014.911	66,96%	158.486.053	3,2%	20.041.226	1,83%
Chi phí khác	8.887.623.104	151,81%	1.759.047.868	35,4%	27.706.590	2,53%
Tổng	26.115.018.862	446,07%	8.287.480.129	166,64%	1.150.921.617	104,96%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của CTCP Da Sài Gòn)

Năm 2011, chi phí giá vốn hàng bán là 6.799.115.340 đồng, chiếm 116,14% doanh thu thuần, tăng 46,7% so với chi phí giá vốn hàng bán/doanh thu thuần năm 2010. Năm 2012, kinh tế tiếp tục khó khăn Công ty đã thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh chính do đó chi phí giá vốn hàng bán chỉ chiếm 36,3% doanh thu thuần, giảm 79,84% so với giá vốn hàng bán/doanh thu thuần năm 2011. Bước sang quý 1/2013, doanh thu của Công ty đến từ dịch vụ cho thuê mặt bằng và cho thuê nhà do đó chi phí giá vốn hàng bán của Công ty là 0 đồng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2011 là 6.479.743.655 đồng, chiếm 110,68% doanh thu thuần, tăng 97,9% so với chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần năm 2010. Nguyên nhân

chi phí này gia tăng đột biến là do năm 2011 phát sinh khoản chi phí dự phòng là 3.602.040.381 đồng. Năm 2012, chi phí quản lý doanh nghiệp là 4.563.258.093 đồng, chiếm 91,8% doanh thu thuần. Quý 1/2013, chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức khá cao với 1.103.173.801 đồng, chiếm 100,6% doanh thu thuần, phần lớn chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý này là khoản chi phí khấu hao tài sản cố định (chiếm 65,39% chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí nhân viên (chiếm 23,35% chi phí quản lý doanh nghiệp).

Chi phí tài chính năm 2011 là 3.920.014.911 đồng, chi phí này tính trên doanh thu thuần là 66,96%, tăng 28,4% so với chi phí tài chính/doanh thu thuần năm 2011. Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện. Năm 2011, chi phí lãi vay là 1.995.600.470 đồng, lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là 1.924.394.041 đồng. Năm 2012, chi phí tài chính là 158.486.053 đồng, quý 1/2013 khoản chi phí này là 20.041.226 đồng.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công do đó chi phí bán hàng chi chiếm phần nhỏ trong cơ cấu chi phí của Công ty trong năm 2011. Năm 2012 và quý 1/2013, doanh thu chủ yếu đến từ cho thuê nhà, mặt bằng, do đó khoản chi phí này là 0 đồng.

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

DVT: đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2010	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.007.737.450	-
Chi phí nhân công	3.048.869.438	2.526.170.582
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.991.608.500	2.776.857.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.677.189.332	3.099.264.544
Chi phí khác bằng tiền	10.267.110.997	5.745.171.519
Tổng cộng	22.992.515.717	14.147.646.223

5.6. Các hợp đồng lớn đã ký kết và thực hiện trong năm 2012:

STT	Số hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị HĐ	Tên đối tác	Thời hạn
1	No.060901	Hợp tác SXKD	117.500USD	ZIBO DAHUANJI POLYGRACE TANNERY CO., LTD	15 năm

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

Ghi chú: Hợp đồng này đã được thanh lý vào thời điểm 31/12/2012

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

a. Chỉ tiêu tài chính

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm của năm 2012 so với năm 2011	Quý 1/2013
1	Tổng tài sản	46.312.081.375	41.641.001.190	-10,09%	41.057.179.114
2	Doanh thu thuần	5.854.415.565	4.973.222.170	-15,05%	1.096.503.773
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-9.405.578.075	-1.333.611.438		9.990.043
4	Lợi nhuận khác	-1.388.213.649	948.802.846		-16.409.110
5	Lợi nhuận trước thuế	-10.793.791.724	-384.808.592		-6.419.067
6	Lợi nhuận sau thuế	-10.793.791.724	-384.808.592		-6.419.067

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của CTCP Da Sài Gòn

Năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ với lợi nhuận sau thuế là -864.132.706 đồng. Nguyên nhân, chi phí tài chính của Công ty tăng cao (chi phí tài chính năm 2010 là 7.237.267.108 đồng), bởi vì Công ty có khoản nợ vay dài hạn tại Ngân hàng Vietcombank đã quá hạn nên Công ty bị tính lãi vay quá hạn và lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện ở mức khá cao. Năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sụt giảm mạnh, doanh thu thuần đạt 5.854.415.565 đồng, giảm 68,77% so với doanh thu thuần năm 2010, lợi nhuận sau thuế là -10.793.791.724 đồng, mức lỗ cao hơn năm 2010 rất nhiều. Nguyên nhân, kết quả kinh doanh lỗ nặng là do chi phí kinh doanh phát sinh lớn, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác (chi phí khác phát sinh lớn là do chi phí tiền thuê đất và tiền phạt nộp chậm thuê tiền thuê đất).

Năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty dần được cải thiện do Công ty đã thu gọn hoạt động gia công nhiều năm liền bị lỗ. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2012 là -1.333.611.438 đồng, lợi nhuận khác đạt 948.802.846 đồng, lợi nhuận trước thuế là -384.808.592 đồng – mức âm thấp hơn rất nhiều so với năm 2011. Quý 1/2013, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là 9.990.043 đồng, lợi nhuận khác là -16.409.110 do đó, lợi nhuận trước thuế là -6.419.067 đồng.

b. Tổng dư nợ vay

Vốn điều lệ của công ty nhỏ, chủ yếu là vốn cố định nên để đáp ứng nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh Công ty phải dựa một phần vào vốn vay dài hạn của Ngân hàng.

❖ Vay ngắn hạn

Tại ngày 31/03/2013, Công ty không có khoản nợ vay ngắn hạn

❖ Vay và nợ dài hạn

Tại thời điểm 31/03/2013, Công ty có khoản nợ vay dài hạn là 388.800.000 đồng, khoản nợ này Công ty vay NHTMCP Á Châu, vay từ ngày 2/11/2011 với thời hạn 36 tháng, mục đích

sử dụng vốn vay là mua xe ô tô.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012

a. Thuận lợi

- Việt Nam hội nhập cùng với nền kinh tế quốc tế đã và đang tạo ra nhiều cơ hội cho ngành da giày. Việc gia tăng hợp tác quốc tế, chuyển giao vốn, công nghệ, ... là những điều kiện thuận lợi giúp cho Da Sài Gòn phát triển;
- Công ty nhận được sự quan tâm sát sao của Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết kịp thời trong quá trình mà Ban giám đốc của Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên thực hiện nhiệm vụ đề ra trong nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012.

b. Khó khăn

- Năm 2012, Việt Nam bị ảnh hưởng bởi sự suy giảm tiếp tục của nền kinh tế toàn cầu, do đó, năm 2012 kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với một loạt khó khăn và thách thức như: tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm, thị trường bất động sản đóng băng, hàng tồn kho của nền kinh tế tăng, sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị đình trệ kéo theo hàng loạt doanh nghiệp phá sản và giải thể, thị trường tài chính bất ổn..., điều này đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Dừng hoạt động sản xuất gia công cho đối tác ZIBO Trung Quốc tại Nhà máy Thuộc Da Hiệp Phước và cho công nhân nghỉ việc kể từ quý 1/2012, do hoạt động thua lỗ kéo dài, giá gia công thấp, nguồn cung ứng nguyên liệu của đối tác ZIBO thiếu ổn định. Đến quý 2/2012 Công ty đã ký hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh khoán lợi nhuận với Công ty thuộc da Hào Dương, tuy nhiên hoạt động này gặp không ít khó khăn vì vậy đến tháng 12/2012 hai bên đã thanh lý hợp đồng.
- Thực trạng bất động sản đang trong bối cảnh đình đốn, các mặt bằng hiện Công ty đang quản lý và sử dụng hội đồng quản trị vẫn chưa có giải pháp khả quan nhằm giải quyết đầu ra theo hướng ổn định và lâu dài. Tạm thời vẫn khai thác theo hướng cho thuê ngắn hạn.
- Nợ tiền thuê đất tồn đọng từ năm 2003-2009 là 7.182.245.251 đồng, nợ tiền thuê đất năm 2012 là 1.675.877.808 đồng.
- Nợ lãi vay Quỹ dự trữ ngoại hối Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tương đương khoảng 9.708.378.394 đồng.
- Thủ tục pháp lý đối với các mặt bằng vẫn chưa hoàn tất.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Là Công ty hoạt động trong ngành da giày, với lợi thế trình độ công nghệ tốt sẽ tạo cho công ty lợi thế cạnh tranh so với các công ty khác trong ngành.

Trong tương lai, công ty có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh, phát triển theo hướng đa ngành nghề, đầu tư vào các lĩnh vực khác nhằm tạo doanh thu và lợi nhuận cao cho công ty.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành da giày được đánh giá là một trong những ngành triển vọng, công nghiệp da giày của Việt Nam đang có những bước phát triển khá ấn tượng và đứng vị trí thứ 2 về kim ngạch xuất khẩu của cả nước trong năm 2012. Năm 2012, mặc dù tình hình kinh tế Thế giới gặp nhiều khó khăn, đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì tăng trưởng xuất khẩu (XK) giày dép của Việt Nam. Tuy nhiên, ngành da giày vẫn tăng trưởng và hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra. Kim ngạch XK toàn ngành đạt 8,764 tỉ USD, chiếm 7,6% tổng kim ngạch XK của cả nước và chiếm 10,5% kim ngạch XK của ngành công nghiệp chế biến. Trong đó túi xách, va li, cặp đạt 1,518 tỉ USD tăng 18,1%; giày dép đạt 7,246 tỉ USD tăng 10,6% so với năm 2011. Trong năm 2013, dự kiến kim ngạch XK của ngành da giày – túi xách đạt khoảng 9,7 tỉ USD, tăng khoảng 10,07% so với năm 2012. Trong đó giày dép đạt khoảng 8 tỉ USD; cặp, túi xách đạt khoảng 1,7 tỉ USD.

Bên cạnh đó, Hội nhập kinh tế đã tạo ra nhiều cơ hội cho ngành da giày phát triển, là các chính sách thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu của Chính phủ sẽ giúp ngành da giày có những bước tiến nhanh và mạnh mẽ trong tương lai.

Với triển vọng phát triển của ngành da giày nêu trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành Da phát triển. Hiện tại, CTCP Da Sài Gòn cũng đang chú trọng đầu tư vào các máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Đây là hướng đi đúng cho Công ty trong giai đoạn hội nhập quốc tế để tăng sức cạnh tranh và mở rộng thị trường.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2013, tổng số lao động của Công ty là **10** người.

	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
I.	Phân theo giới tính		
1	Nam	4	40
2	Nữ	6	60
II.	Phân theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên đại học	5	50
2	Cao đẳng, trung cấp	2	20
3	Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề		
4	Lao động chưa qua đào tạo (học việc)	3	30

III	Phân theo loại hợp đồng		
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	7	70
2	Hợp đồng từ 1 - 3 năm	3	30
3	Hợp đồng dưới 3 tháng		

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

8.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chính sách làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca và Công ty thực hiện các chế độ nghỉ bù cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các nghị định, thông tư hướng dẫn của Nhà nước.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được cộng thêm 01 ngày phép trong năm. Nhân viên công ty được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của Bộ luật lao động.
- Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Các chế độ, phúc lợi: hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động:

Nộp BHXH cho 100% CBCNV

Nộp BHYT cho 100% CBCNV

Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực. Công ty thường xuyên quan tâm, tuyển dụng, sắp xếp, bố trí tạo điều kiện cho các bộ được làm việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của bản thân.
- Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát

triển năng lực, đáp ứng nhu cầu công việc của Công ty trong hiện tại và trong tương lai. Công ty tổ chức cho các cán bộ quản lý theo học các lớp đào tạo ngắn hoặc dài hạn theo yêu cầu của công tác tổ chức quản lý kinh doanh tại Công ty.

c. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty thực hiện chế độ xếp bậc lương cho người lao động theo thang bảng lương của Nhà nước, việc chi trả lương được thực hiện 01 lần (từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng) theo quy chế trả lương của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.
- Chính sách thưởng: Để khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả lao động đạt được. Bên cạnh đó, hàng quý Công ty tổ chức bình bầu đánh giá kết quả lao động của nhân viên, đánh giá sẽ được sử dụng để xét thưởng vào cuối năm căn cứ trên quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc. Công ty cũng có xét thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.
- Chính sách phúc lợi: Hàng năm Công ty sử dụng quỹ phúc lợi tổ chức cho toàn bộ người lao động đi nghỉ mát, du lịch, duy trì thường xuyên phong trào Văn – Thể - Mỹ.

9. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị có thể tạm trả cổ tức trước khi hết năm tài chính nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng lợi nhuận của Công ty.

Năm 2008, Công ty hoạt động có lãi tỷ lệ chi trả cổ tức là 11,3%, năm 2009 là 14%, năm 2010 2011, 2012 hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ nên không chi trả cổ tức. Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức năm 2013.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

a. Trích khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao: khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

Các nhóm Tài sản cố định	Số năm khấu hao
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08-10 năm
- Tài sản khác	5-20 năm
- Tài sản vô hình (phần mềm máy tính)	8 năm

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011 của CTCP Da Sài Gòn)

b. Mức thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	2.500.000	3.050.000	4.800.000

Nguồn: Công ty cổ phần Da Sài Gòn

c. Hàng tồn kho:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
1	Nguyên liệu, vật liệu	36.383.652	15.267.146	15.267.146
2	Công cụ, dụng cụ	3.559.693	37.243.473	37.243.473
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.470.364	4.170.364	4.170.364
4	Thành phẩm	30.738.900	30.738.900	30.738.900
5	Hàng gửi đi bán	777.667.991	356.446.105	356.446.105
6	Cộng giá gốc hàng tồn kho	916.820.600	443.865.988	443.865.988
7	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(391.355.369)	(391.355.369)	(391.355.369)
8	Cộng giá trị hàng tồn kho thuần	525.465.231	52.510.619	52.510.619

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của CTCP Da Sài Gòn)

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tại thời điểm 31/03/2013 Công ty đã thanh toán khoản nợ quá hạn mà Công ty vay tại Ngân

hàng Vietcombank, hiện tại chỉ còn khoản nợ Ngân hàng ACB (khoản nợ này đến năm 2014 mới đến hạn thanh toán). Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

e. Thuế và các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện việc trích, nộp và quản lý các khoản phải nộp cho Nhà nước theo đúng qui định của pháp luật bao gồm các khoản về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp, các loại thuế...

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	234.682.321	464.099.602	505.541.374
Tiền thuê đất	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	212.233.794	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.091.536	23.222.380	28.841.838
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.475.813.251	3.313.641.651	2.793.641.651
Khác	197.239.869	197.239.869	197.239.869
Tổng cộng	6.139.060.771	3.998.203.502	3.525.264.732

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của Công ty CTCP Da Sài Gòn)

f. Trích lập các quỹ

ĐVT: đồng

Các quỹ	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
Quỹ dự phòng tài chính	701.543.291	701.543.291	701.543.291
Quỹ đầu tư phát triển	1.307.278.758	1.307.278.758	1.307.278.758
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
Tổng cộng	2.008.822.048	2.008.822.048	2.008.822.048

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của CTCP Da Sài Gòn)

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo qui định Pháp luật hiện hành:

- Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ trích các quỹ khác do HĐQT trình ĐHCĐ thường niên xem xét và biểu quyết thông qua gồm:
 - o Quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 15% lợi nhuận sau thuế
 - o Quỹ khen thưởng và phúc lợi tối đa không quá 25% lợi nhuận sau thuế, bao gồm cả trích thưởng cho HĐQT, các sáng lập viên Công ty và những người có công với Công ty...

- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tối đa 5% lợi nhuận sau thuế.

g. Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012, 31/03/2013:

➤ **Các khoản phải thu:**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
1	Phải thu khách hàng	2.003.544.360	1.801.828.316	1.776.828.316
2	Trả trước cho người bán	2.815.761.830	2.159.001.830	2.159.001.830
3	Các khoản phải thu khác	479.214.056	767.698.904	762.652.655
4	Cộng	5.298.520.246	4.728.529.050	4.698.482.801
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(3.602.040.381)	(3.602.040.381)	(3.602.040.381)
6	Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	1.696.479.865	1.126.488.669	1.096.442.420

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của CTCP Da Sài Gòn)

Ghi chú: Dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm 31/03/2013 là 3.602.040.381 đồng bao gồm các khoản sau:

- Phải thu xí nghiệp da 421.052.192 đồng
- Phải thu khách hàng 1.265.957.590 đồng
- Phải thu khác 209.054.948 đồng
- Phải trả khác 60.000.000 đồng
- Các khoản nợ tạm ứng 81.858.663 đồng
- Các khoản phải thu tồn đọng xây dựng 66.182.797 đồng
- Các khoản phải thu tồn đọng xây dựng 1.497.934.191 đồng

➤ **Các khoản phải trả:**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/03/2013
I.	Nợ ngắn hạn	37.161.313.365	35.148.425.712	34.643.116.767
1	Vay và nợ ngắn hạn	-		
2	Phải trả cho người bán	1.943.246.199	1.706.359.884	1.694.238.421
3	Người mua trả trước tiền	17.198.121.513	17.898.525.738	17.898.525.738
4	Các khoản thuế phải nộp	6.139.060.771	3.998.203.502	3.525.264.732
5	Phải trả cho người lao động	294.001.606	(25.055.591)	(48.897.820)
6	Chi phí phải trả	9.683.153.395	9.708.378.394	9.708.378.394
7	Phải trả nội bộ	1.026.140	1.026.140	1.026.140
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	-		
9	Phải trả, phải nộp khác	1.902.703.741	1.860.987.645	1.864.581.162
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-		
11	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-		
II.	Nợ dài hạn	3.827.080.400	1.553.238.400	1.494.888.400
1	Phải trả dài hạn khác	1.032.488.400	1.106.088.400	1.106.088.400
2	Vay và Nợ dài hạn	2.794.592.000	447.150.000	388.800.000

3	Dự phòng trợ cấp mất việc			
Tổng cộng		40.988.393.765	36.701.664.112	36.138.005.167

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013 của CTCP Da Sài Gòn)

Tại thời điểm 31/03/2013 nợ ngắn hạn của Công ty là 34.643.116.767 đồng. Khoản nợ ngắn hạn chiếm 95,86% tổng nợ phải trả của Công ty. Trong khoản nợ ngắn hạn phần lớn là khoản nợ người mua trả tiền trước; Chi phí phải trả (lãi vay phải trả cho Ngân hàng ngoại thương Việt Nam).

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu		DVT	Năm 2011	Năm 2012	Quý 1/2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,17	0,12	0,12
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,16	0,12	0,12
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/ Tổng tài sản:	%	89%	88%	88%
	- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu:	%	770%	743%	735%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	8,98	6,25	0
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bq)	Lần	0,10	0,11	0,03
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-184,37%	-7,74%	-0,59%
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (bq)	%	-19,08%	-0,88%	-0,18%(*)
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (bq)	%	-100,60%	-7,50%	-1,4%**)
	- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	-127,31%	-28,08%	0,91%

Ghi chú: (*, **) nghĩa là hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (bq) và hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (bq) của quý 1/2013 được tính theo 4 quý gần nhất.

- Khả năng thanh toán của Công ty giảm dần qua các năm, tại thời điểm 31/03/2013 khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh là 0,12 lần. Khả năng thanh toán của Công ty đều dưới 1, cho thấy Công ty có tính thanh khoản thấp và đang gặp khó khăn về tài chính.
- Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có xu hướng giảm dần. Năm 2011, kết quả doanh thu đạt được giảm mạnh và lợi nhuận sau thuế ở mức âm khá cao, do đó các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty đều thể hiện số âm. Năm 2012, Các chỉ tiêu thể hiện khả năng sinh lời của Công ty vẫn ở mức âm nhưng thấp hơn nhiều so với năm trước đó. Dấu hiệu này một lần nữa khẳng định hoạt động kinh doanh của Công ty đang trên đà phục hồi. Năm 2012, khả

năng sinh lợi trên tổng tài sản năm 2012 là -0,88%, khả năng sinh lợi trên vốn chủ sở hữu là -7,5%.

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cp sở hữu cá nhân (cổ phần)	Đại diện phần vốn Nhà nước (cổ phần)	Số CP của người có liên quan (cổ phần)
I.	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Chủ tịch HĐQT	892		
2	Lý Văn Nghĩa	P.Chủ tịch HĐQT	1.330.000		152.000
3	Khương Tố Huệ	Thành viên HĐQT	152.000		1.330.000
II.	Ban Giám đốc				
1	Nguyễn Thị Bích Phượng	Tổng giám đốc	100		
2	Lê Văn Lợi	Phó Tổng giám đốc	6.296		391.799
III.	Ban Kiểm soát				
1	Ngô Thị Ngọc Hạnh	Trưởng Ban KS	100		
2	Trần Thị Kim Thoa	Thành viên	100		
3	Lương Thị Kim Nhỏ	Thành viên	0		
IV.	Kế toán Trưởng				
1	Hồ Ngọc Anh	Kế toán trưởng	0		
Tổng cộng			1.489.488		1.873.799

Nguồn: CTCP Da Sài Gòn

11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch HĐQT: Nguyễn Thị Ánh Tuyết

- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/10/1978
- Số CMND: 024371509, cấp ngày 30/03/2005, tại Công An TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: B7/211 ấp 2, Đa Phước, Bình Chánh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 892 cổ phần
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 892 cổ phần
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b. Phó Chủ tịch HĐQT: Lý Văn Nghĩa

- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/10/1971
- Số CMND: 023081181
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 8 đường 74, P.10, Q6, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Doanh nhân
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.330.000 cổ phần
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1.330.000 cổ phần
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 152.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị : Khương Tố Huệ

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1973
- Số CMND: 022536259, cấp ngày 04/12/2006, tại Công An TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ thường trú: số 99 đường Sương Nguyệt Ánh , P. Bến Thành, Q1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Dân doanh
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 152.000 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 152.000 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 1.330.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

11.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát : Ngô Thị Ngọc Hạnh

- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/07/1978
- Số CMND: 023075106
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731- 3840 5732
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng
- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b. Thành viên Ban kiểm soát : Trần Thị Kim Thoa

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/06/1978

- Số CMND: 023075170
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 573
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn:
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

c. Thành viên Ban kiểm soát : Lương Thị Kim Nhỏ

- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1983
- Số CMND: 024872840
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 22 đường 13, KDC Bình Trị Đông , Bình Tân , TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán .
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

11.3. Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc : Nguyễn Thị Bích Phượng

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Phượng

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 27/06/1966
- Nơi sinh: TP.HCM
- Số CMND: 022510734
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 966 A1 Lò Gốm, Phường 8, Q.6, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị ngoại thương
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b. Phó Tổng giám đốc: Lê Văn Lợi

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/05/1952
- Số CMND: 020555252
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 629 Hậu Giang , P.11, Q6, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731
- Trình độ văn hóa : 11/12
- Trình độ chuyên môn: Kinh doanh
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.296 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 6.296 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 391.799 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

c. Kế toán trưởng : Hồ Ngọc Anh

- Họ và tên: Hồ Ngọc Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 31/03/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 025016676
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 423 Vườn Lài, P.Phú Thọ Hòa , Quận Tân Phú , TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 3840 5731
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

12. Tài sản

➤ **Giá trị tài sản cố định của Công ty theo BCTC tại ngày 31/03/2013 như sau:**

ĐVT: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao đến ngày 31/03/2013	Giá trị còn lại	GTCL/NG
Nhà cửa	42.466.014.044	15.866.119.245	26.599.894.799	62,6%
Thiết bị, Phương tiện vận tải	16.198.608.822	11.937.397.363	4.261.211.459	26,3%
Dụng cụ quản lý	235.998.334	236.460.834	(462.500)	-0,2%
CỘNG TSCĐ HH	58.900.621.200	28.039.977.442	30.860.643.758	52,4%

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

➤ Bảng kê tài sản cố định của Công ty đến thời điểm 31/03/2013

S T T	DANH MỤC- KÝHIỆU	Năm SD	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế đến thời điểm 31/03/2013	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/03/2013
1	Foulon tẩy lông 3500m/m FD1 I	1992	638.099.385	497.386.672	140.712.713
2	Foulon tẩy lông 3500m/m FD1 II	1992	638.099.385	497.386.672	140.712.713
3	Foulon tẩy lông 3500m/m FD1 III	1992	638.099.385	387.242.772	250.856.613
4	Foulon tẩy lông 3500m/m FD1 IV	1992	638.099.385	387.242.772	250.856.613
5	Foulon tẩy lông 3500m/m FD1 V	1992	638.099.385	387.242.772	250.856.613
6	Foulon tẩy lông 3500m/m FD1 VI	1992	638.099.385	387.242.772	250.856.613
7	Foulon thuộc lại 3500m/m FD1 VII	1992	638.099.386	617.130.707	20.968.679
8	Foulon thuộc lại 3500m/m FD1 VIII	1992	638.099.386	519.173.793	118.925.593
9	Máy nạo thịt SG5 2750m/m	1992	1.189.878.411	1.168.983.425	20.894.986
10	Máy cửa da vôi SR6 3000m/m	1992	1.502.135.238	1.480.598.078	21.537.160
11	Máy ép nước có băng nỉ	1992	1.467.624.848	1.224.096.805	243.528.043
12	Máy ép nước DRS5 - 2700mm	1992	1.203.942.912	1.026.333.901	177.609.011
13	Xe nâng Komatsu Model FD 25T-16	2007	292.929.000	130.596.101	162.332.899
14	Hệ thống lấy nước sông phục vụ sản xuất	2007	15.054.000	13.537.353	1.516.647
15	Cân điện tử 3 tấn XN HP	2007	15.400.000	13.683.691	1.716.309
16	Máng thoát bầy nhầy cho máy nạo thịt	2007	22.727.273	16.769.827	5.957.446
17	Gian đỡ xe nâng	2007	55.909.091	30.748.134	25.160.957
18	Lắp đặt đồng hồ nước	2007	11.882.727	11.882.727	
19	Máy nén khí SWAN SVP 205 - 016492		12.743.680	12.743.680	
20	CỌC MÁNG MÁY ,ĐÀ KIỀNG NHÀ XƯỞNG	2007	3.299.954.727	1.026.103.036	2.273.851.691
21	BỆ MÓNG MÁY	2007	6.703.447.819	2.061.692.124	4.641.755.695
22	BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH 1000M3	2007	1.616.055.302	506.775.426	1.109.879.876
23	KHUNG KÈO THÉP ,MÁI TÔN NHÀ XƯỞNG	2007	2.454.490.909	765.054.201	1.689.436.708
24	NHÀ VỆ SINH	2007	98.675.000	41.363.250	57.311.750
25	TRẠM BIẾN THỂ ĐIỆN 1250KVA+PHÍ GIÁM SÁT	2007	534.507.091	192.276.235	342.230.856
26	TRẠM BIẾN THỂ ĐIỆN 1000KVA	2007	560.769.304	201.369.895	359.399.409
27	NHÀ VĂN PHÒNG	2007	34.090.909	19.000.100	15.090.809
28	ĐƯỜNG NỘI BỘ	2007	398.207.417	134.707.910	263.499.507
29	Chi phí lắp dựng của lùa mái che	2008	31.227.273	14.911.463	16.315.810

	tháp đỡ khung nhôm				
30	Xe nâng	2008	382.398.000	150.879.448	231.518.552
31	Xe tải SUZUKI van 54V-1641				
32	Máy nén khí SWAN SVP 205 - 016493	1993	12.743.680	12.743.680	-
33	MM TB CHO XỬ LÝ NƯỚC THẢI	2008	478.943.850	173.648.143	305.295.707
34	LẮP MÁNG XỐI NHÀ XUỞNG	2009	19.909.091	10.162.408	9.746.683
35	LỘP TÔN	2009	71.567.730	36.531.075	35.036.656
36	TÔN NHÀ XUỞNG	2009	173.875.897	88.753.317	85.122.580
37	TÔN NHÀ XUỞNG	2010	260.771.392	117.347.126	143.424.266
38	BĂNG TẢI MÁY ÉP BÙN	2010	41.981.800	9.445.905	32.535.895
39	HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC NƯỚC (THIÊN TẠO)	2007	434.827.986	75.199.410	359.628.576
40	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (HÙNG LONG PHÁT)	2008	4.302.704.132	744.112.214	3.558.591.918
41	HỆ THỐNG ĐIỆN SX (XLĐ 2)	2008	1.201.818.182	343.047.697	858.770.485
42	PHÍ GIÁM SÁT HỆ THỐNG ĐIỆN SX	2008	54.924.545	15.677.695	39.246.850
43	HÀNG RÀO VÀ NHÀ BẢO VỆ (XD SỐ 5)	2008	549.135.115	115.560.320	433.574.795
44	HỆ THỐNG PCCC (TÂN LONG HẢI)	2008	166.057.273	84.762.373	81.294.900
45	SÂN , ĐƯỜNG NỘI BỘ (TÀI ĐỨC)	2009	887.371.818	153.462.611	733.909.207
46	SỬA ĐƯỜNG NỘI BỘ	2009	59.721.364	10.328.248	49.393.116
47	SỬA CHỮA TỦ ĐIỆN (ĐẠI QUANG LỘC)	2009	14.600.000	7.452.433	7.147.567
48	THIẾT KẾ TRẠM XLNT (CHI CỤC BVỆ MTRƯỜNG)	2007	99.745.454	17.250.039	82.495.415
49	THIẾT KẾ TRẠM XLNT (CHI CỤC BVỆ MTRƯỜNG)	2008	31.818.182	5.502.655	26.315.527
50	THIẾT KẾ BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH (CHI CỤC BVMT)	2007	43.875.455	7.587.848	36.287.607
51	VẬN HÀNH VÀ CHUYỂN GIAO CN XLNT	2007	147.000.000	25.422.268	121.577.732
52	THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN TRẠM XLNT	2007	195.454.545	33.802.025	161.652.520
53	KHO NM THUỘC DA HIỆP P HƯỚC (CTY KHÔNG GIAN KTRÚC)	2009	150.000.000	25.941.089	124.058.911
54	MÁI CHE NHÀ CHỨA BÙN	2008	36.965.000	10.551.312	26.413.688
55	MÁY ÉP BÙN (CTY CÔNG	2009	393.891.213	112.432.542	281.458.671

	THÀNH)				
56	MÁY ÉP BÙN (CTY ĐÔ THÀNH)	2009	257.929.770	73.623.627	184.306.143
57	ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ	2009	87.641.190	25.016.354	62.624.836
58	HỆ THỐNG LAN CAN TRẠM NƯỚC THẢI	2009	23.596.717	6.735.461	16.861.256
59	GIÁM SÁT THIẾT KẾ	2006	207.575.383	35.898.211	171.677.172
60	HỒ SƠ MỜI THẦU , THẨM TRA TKẾ	2007	57.987.273	10.028.353	47.958.920
61	TKẾ KTHUẬT VÀ DỰ TOÁN PHẦN NXUỞNG HTHỐNG MÓNG MÁY , MƯƠNG THÓAT NƯỚC NGUỒN ĐIỆN ĐỘNG LỰC , NHÀ VP	2007	168.881.691	-	-
				29.206.500	139.675.191
62	KHẢO SÁT TKẾ TRẠM BIẾN ÁP 750 KVA	2007	8.600.307	1.809.853	6.790.454
63	TƯ VẤN KIẾN TRÚC NMTDHP (HĐ 637)	2006	336.147.545	58.133.557	278.013.988
64	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT (HĐ 582)	2005	84.992.404	14.698.636	70.293.768
65	GIẤY PHÉP ĐẠT CHUẨN MTRƯỜNG		18.095.238	9.236.545	8.858.694
66	TƯ VẤN TKẾ NMTDHP (HĐ240-PL01)	2005	90.909.091	15.721.873	75.187.218
67	CÁN NỀN BÊ TÔNG	2011	121.385.178	10.621.203	110.763.975
68	BẢNG TẢI MÁY ÉP BÙN TRÊN NBD M125 , KÍCH THƯỚC 1250X4400 mm	9-2011	21.854.866	6.920.708	14.934.158
69	BẢNG TẢI MÁY ÉP BÙN DƯỚI NBD M125 , KÍCH THƯỚC 1250X4600 mm	9-2011	22.584.056	7.151.618	15.432.438
70	TU BỔ HỒ XLNT - CTY VIỆT MỸ	Q1-12	109.250.000	13.656.250	95.593.750
71	TU BỔ HỒ XLNT - CTY VIỆT MỸ	Q1-12	476.800.000	39.733.333	437.066.667
72	LẮP ĐẶT CAMERA	Q1-12	40.136.000	10.034.000	30.102.000
	Tổng cộng		38.972.916.426	16.528.506.256	22.444.410.170
1	Hệ thống nước + hơi XN Da 1	1992	244.453.745	244.453.745	-
2	Thang nâng XN Da 1	1992	19.040.603	19.040.603	-
3	Mạng lưới điện XN Da 1	1992	112.052.784	112.052.784	-
4	Trạm biến thế điện XN Da 1	1992	80.821.463	80.821.463	-
5	Tụ bù 100KVAR	1998	15.500.000	15.500.000	-
	Cộng		471.868.595	471.868.595	-

1	Nhà văn phòng XN Da1	1968	296.940.000	125.991.642	170.948.358
2	Nhà sản xuất chính Da 1	1992	1.614.996.906	568.671.045	1.046.325.861
3	Nhà nổi hơi, vệ sinh, bể nước	1992	312.488.826	312.488.826	-
4	Nền sau tường rào, hệ thống thoát nước	1992	121.204.268	121.204.268	-
5	Xe nâng Komatsu FD - 25	1995	60.665.000	60.665.000	-
	Cộng		2.406.295.000	1.189.020.782	1.217.274.218
	Tổng cộng		2.878.163.595	1.660.889.377	1.217.274.218
1	Thang nâng hàng		47.625.000	46.805.935	819.065
2	Thang nâng hàng XNG3 (1cái)	1997	50.534.128	50.534.128	
3	Hệ thống điện chiếu sáng XNG3	1997	263.621.440	263.621.440	-
4	Hệ thống cấp thoát nước cứu hỏa XNG3	1997	108.752.178	108.752.178	-
	Tổng cộng		470.532.746	469.713.681	819.065
1	Bơm chữa cháy+vật tư công lắp đặt	2004	51.560.000	33.836.250	17.723.750
	Tổng cộng		51.560.000	33.836.250	17.723.750
1	Nhà SX và kho	13	465.000.000	364.234.582	100.765.418
2	Nhà sản xuất chính	1995	4.279.364.793	3476.254.853	803.109.940
3	Nhà bảo vệ, cổng, tường rào	1995	126.031.238	70.344.319	55.686.919
4	Nhà để xe 2 bánh	1995	28.545.632	16.046.923	12.498.709
5	Đường bãi container	1995	211.626.263	114.885.231	96.741.032
6	Nhà SX và kho	16	1.035.406.094	379.669.694	655.736.400
7	Nhà sản xuất chính KEPIVI tầng trệt	1997	745.654.965	221.960.132	523.694.833
8	Nhà sản xuất chính KEPIVI tầng 1 + 2	1997	1.154.745.906	358.257.061	796.488.845
9	Nhà SX 3 tầng mở rộng G3 (PHẦN 7M)	2002	567.826.642	69.842.677	497.983.965
10	Lát sân gạch tàu Giay 3	2002	15.699.594	3.987.697	11.711.897
	Tổng cộng		8.629.901.127	5.075.483.169	3.554.417.958
	TỔNG CỘNG		9.151.993.873	5.579.033.101	3.572.960.772
1	Trạm điện		55.065.000	52.687.593	2.377.407
2	Máy biến thế		23.385.335	22.375.689	1.009.646
3	Kho Hùng Vương	1968	413.862.000	288.534.974	125.327.026
	Tổng cộng		492.312.335	363.598.256	128.714.079
1	Hệ thống điện XN Túi xách	2002	146.104.500	133.685.625	12.418.876
2	Nhà để xe	2002	24.000.000	8.976.000	15.024.000
3	Sàn gỗ nhà kho -Nhà VP G3 (KEPPIVI)	2002	69.769.658	26.093.852	43.675.806
4	Nhà SX Túi Xách (Khung thép) (KEPPIVI)	2002	25.000.000	9.350.000	15.650.000
5	Nhà xưởng túi xách (Khung thép)	2002	163.349.000	61.092.526	102.256.474

6	Nhà xưởng túi xách	2002	85.000.000	31.790.000	53.210.000
7	Nhà xưởng túi xách	2002	436.696.915	90.396.260	346.300.655
	Tổng cộng		949.920.073	361.384.263	588.535.810
1	Hệ thống chiếu sáng XNG2	1997	87.576.155	87.576.155	-
2	Nhà xưởng Chấn Việt	10	22.185.190	11.130.621	11.054.569
3	Nhà xưởng Chấn Việt	28	5.015.455.648	3.033.642.635	1.981.813.013
4	Phòng BV G2 (40-50 Tuy Lý Vương Q.8)	2002	7.251.162	2.711.934	4.539.228
	Tổng cộng		5.132.468.155	3.135.061.345	1.997.406.810
1	Máy photocopy (văn phòng)	1992	15.282.000	15.282.000	-
2	Máy PHOTOCOPY	1997	25.702.600	25.702.600	-
3	Dàn lạnh	1998	22.000.000	22.000.000	-
4	Hai máy lạnh	1998	12.000.000	12.000.000	-
5	Máy lạnh (3 chiếc)	1999	16.600.000	16.600.000	-
6	Máy lạnh văn phòng 03 cái (PN1/02) TOSHIBA-2HP	2002	36.666.000	36.666.000	-
7	Máy Photocopy Ricoh VPCT	2003	43.755.600	43.755.600	-
8	Máy vi tính xách tay Toshiba+máy in laser	2004	28.440.000	28.440.000	-
9	Xe ô tô 52N-2325(DAEWOO)	1999		-	-
10	Máy lạnh Toshiba-phòng họp	2005	10.435.455	10.435.455	0
11	Máy vi tính Phòng kế toán	2005	11.476.351	8.415.990	3.060.361
12	Máy vi tính(server)P.kế toán	2006	13.640.328	10.656.506	2.983.822
13	Máy phtocopy	T6/2011	24.557.500	4.502.208	20.055.292
14	Xe Fortuner (biển số 225.56)	11/2011	1.062.290.909	177.048.484	885.242.425
	Tổng cộng		1.322.846.743	411.504.844	911.341.899
	Tổng cộng		58.900.621.200	28.039.977.442	30.860.643.758
1	Phần mềm kế toán WinkTsys 2006	2007	191.940.000	149.953.126	41.986.874
2	Phí bảo trì phần mềm kế toán	2007	22.470.000	14.979.998	7.490.003
	Tổng cộng		214.410.000	164.933.124	49.476.877
	Tổng cộng		59.115.031.200	28.204.910.566	30.910.120.634

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

13. Tình hình sử dụng đất đai:

STT	Địa điểm	Diện tích	Mục đích sử dụng	Tình trạng pháp lý
1	Khu đất Nơ trang long - 283 Nơ Trang Long, P.13, Quận Bình Thạnh ,TP.HCM	3.308 m ²	Cho thuê kinh doanh bãi giữ xe	Đang tranh chấp với chủ cũ

2	Khu đất Văn Phòng Công ty - Số 6 Nguyễn Cửu Vân (số cũ : 139 XVNT, P.17, Q.Bình Thạnh , TP.HCM	4.526 m ²	Đang làm văn phòng công ty và đang lo thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất	Chủ quyền chưa đầy đủ
3	Khu đất Tuy Lý Vương - 40-54 Tuy Lý Vương, P.13, Q. 8, Tp.HCM	2.157 m ²	Cho thuê kinh doanh siêu thị	Chủ quyền chưa đầy đủ
4	Khu đất Kinh Dương Vương - 131/11 Kinh Dương Vương, P.13, Q. 8, Tp.HCM	424 m ²	Cho thuê kinh doanh	Chủ quyền chưa đầy đủ
5	Xí nghiệp thuộc da Hiệp Phước Lô C4, đường số 3, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	12.000 m ²	Đang sản xuất thuộc da	Hợp đồng thuê đất dài hạn trong khu công nghiệp
Tổng số		22.415 m²		

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

14. Kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn 2013 – 2014**14.1 Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2013 - 2014****ĐVT: Triệu đồng**

Chỉ tiêu	2013	2014
Doanh thu	21.612	9.750
- Nhà máy sản xuất thuộc da Hiệp Phước	4.562	5.250
- Kinh doanh dịch vụ khác	17.050	4.500
LN trước thuế	14.055	2.100
Cổ tức %	-	-

(Nguồn: CTCP Da Sài Gòn)

14.2 Căn cứ để đặt ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

- ✓ Những biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2013 là :

Về sản xuất tại nhà máy thuộc da Hiệp Phước:

- Cải tạo hiện trạng nhà xưởng, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại nhà máy;
- Trước khó khăn chung, việc định hướng và tổ chức các biện pháp SXKD mặt bằng Nhà máy thuộc da Hiệp Phước rất khó khăn, Hội đồng quản trị cần cân nhắc tìm kiếm đối tác kinh doanh, kế hoạch SXKD năm 2013 không bao gồm hoạt động kinh doanh của Nhà máy thuộc da Hiệp Phước.

Về tài chính:

- Công ty sẽ làm việc với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam và cơ quan thẩm quyền nhà nước để xin khoan nợ và giãn nợ lãi vay từ Quỹ dự trữ ngoại hối.
- Công ty tiếp tục làm việc với Chi cục thuế Quận Bình Thạnh, Cục thuế TP.HCM để xử lý

phần nợ tiền thuê đất tồn đọng từ năm 2003-2009 tại mặt bằng 139 Xô Viết Nghệ Tĩnh, 283 Nơ Trang Long, Q.Bình Thạnh (Số 6 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM);

- Công ty tiếp tục khai thác kinh doanh ngắn hạn các mặt bằng để tạo nguồn thu chính.

Về mặt bằng nhà xưởng:

- Làm việc với Ủy Ban Nhân dân quận Bình Thạnh liên quan đến vấn đề chuyển giao một phần mặt bằng làm trường trung học cơ sở tại địa điểm 139 XVNT, p.17, Q.Bình Thạnh TP.HCM (Số 6 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM);
- Tiếp tục theo dõi những diễn biến thị trường bất động sản trong thời gian tới, tìm ra các giải pháp thích hợp nhằm khai thác kinh doanh mặt bằng 139 XVNT Q.Bình Thạnh (Số 6 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM) theo hướng thuận lợi và hiệu quả.
- ✓ Căn cứ để đặt ra kế hoạch lợi nhuận năm 2014 là dựa vào lĩnh vực gia công da (chủ yếu da mặt phèn) và kinh doanh cho thuê mặt bằng.

14.3 Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới:

- Đang tiến hành các thủ tục về giao thuê đất tại địa điểm 139 Xô viết nghệ tĩnh, P17, Q. Bình Thạnh (Số 6 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM). Dự kiến sớm nhất đến năm 2015, Công ty có đủ năng lực tài chính sẽ tiến hành khai thác tùy tình hình và định hướng của thị trường tại thời điểm triển khai.
- Mặt bằng tại địa điểm số 283 Nơ Trang Long, P13, Q. Bình Thạnh là tài sản Công tư hợp doanh đang tranh chấp với chủ cũ, Công ty đang xúc tiến các thủ tục để giải quyết tranh chấp khi có văn bản hướng dẫn chính thức từ cơ quan có thẩm quyền Công ty sẽ tiến hành thương lượng, bồi hoàn giá trị tài sản cho chủ cũ.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh (BMSC) đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Da Sài Gòn cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần Da Sài Gòn đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như các năm trước đó, năng lực của Công ty Cổ phần Da Sài Gòn, mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và nền kinh tế; BMSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của Công ty Cổ phần Da Sài Gòn là khá phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán

cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra các quyết định đầu tư

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán :

Không có

VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về việc bán cổ phần

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Da Sài Gòn
- Tên tiếng Anh : SAI GON LEATHER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : LEASGO
- Trụ sở chính : Số 6 đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Điện thoại : 08.38405731 Fax: 08.38405733
- GCNĐKKD : Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0300393721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/04/2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 26/12/2012
- Vốn điều lệ hiện tại theo số thực góp : 21.004.936.606 VNĐ; theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/12/2012 thì vốn điều lệ: 22.800.000.000 đồng
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 171.993 cổ phiếu (chiếm 8,19% vốn điều lệ)
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 1.719.930.000 đồng
- Giá khởi điểm: 16.350 đồng/cổ phần
- Hình thức bán đấu giá: Bán đấu giá công khai

2. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Da Sài Gòn chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký.

3. Địa điểm công bố thông tin

➤ Công ty Cổ phần Da Sài Gòn

- Địa điểm : Số 6 đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

- Điện thoại : 08.38405731 Fax: 08.38405733

➤ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh**

- Địa điểm : Số 198 Phan Xích Long, P2, quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Điện thoại : 08. 73068686 - Fax: 08. 3517 0634
- Website : www.bmsc.com.vn

➤ **Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)**

- Website : <http://www.scic.vn>

4. Đăng ký mua cổ phần

4.1. Đối tượng, điều kiện tham gia

➤ **Đối tượng tham gia:**

Các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần có đủ điều kiện sau đây được tham dự mua cổ phần:

- Nhà đầu tư trong nước là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
- Tổ chức bán đấu giá bán cổ phần, cá nhân thực hiện tư vấn, định giá của Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Minh không được tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty cổ phần Da Sài Gòn.
- Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

➤ **Điều kiện tham gia:**

Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn quy định. Đặt cọc đủ **10%** giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do SCIC công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký đấu giá.

➤ **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài**

Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 1/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 2005, nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần với mức không hạn chế tại Công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng.

4.2. Thủ tục đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp tiền đặt cọc

4.2.1. Nhà đầu tư nhận đơn hoặc trực tiếp in mẫu đơn đăng ký mua cổ phần và các mẫu biểu có liên quan tại Tổ chức bán đấu giá cổ phần theo các địa điểm và địa chỉ website quy định tại mục VI, khoản 3.

4.2.2. Nộp tiền đặt cọc: Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam, bằng hình thức nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản của SCIC, cụ thể như sau:

✚ **Thông tin nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền như sau:**

- Tên tài khoản: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Số Tài khoản: 10201-000141311-3
- Tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội
- Nội dung: Họ tên/tên tổ chức; Số CMT/ Số ĐKKD (Ngày cấp, nơi cấp); Nộp tiền đặt cọc mua cổ phần Công ty cổ phần Da Sài Gòn.

✚ **Thời gian nộp tiền đặt cọc: từ 08h00 ngày 08/08/2013 đến 16h00 ngày 05/09/2013**

4.2.3. Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá: Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký, đồng thời phải xuất trình:

✚ **Đối với cá nhân trong nước:**

- CMND, trường hợp nhận uỷ quyền, phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc;

✚ **Đối với tổ chức trong nước:**

Ngoài quy định như đối với cá nhân trong nước, tổ chức trong nước còn phải nộp thêm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
- Giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;

✚ **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**

Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài còn phải xuất trình:

- Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp

- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

4.2.4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký:

✚ Thời gian làm thủ tục đăng ký: Nhà đầu tư chỉ được đăng ký để tham gia từ **08h00 ngày 08/08/2013 đến 16h00 ngày 05/09/2013**

✚ Địa điểm đăng ký:

- **Công ty Cổ phần Da Sài Gòn**

Địa chỉ: Số 6 đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh**

Địa chỉ: 198 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá.

4.2.5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của Tổ chức bán đấu giá.

5. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá

5.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ:

- Phiếu do Tổ chức bán đấu giá cấp (Bản chính);
- Có đóng dấu treo của tổ chức bán đấu giá và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định;
- Đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định, phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát;
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm;
- Tổng số cổ phần đặt mua không được vượt mức đăng ký và không thấp hơn mức đăng ký mua tối thiểu theo quy chế này.
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được công nhận.

5.2. Bỏ phiếu kín đúng thời hạn quy định:

- **Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại Tổ chức bán đấu giá**

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu trước **16h00 ngày 06/09/2013** tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Địa chỉ: 198 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

▪ **Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại địa điểm tổ chức đấu giá**

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu trước **09h30' ngày 09/09/2013** tại:

Công ty Cổ phần Da Sài Gòn

Địa chỉ: Số 6 đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

▪ **Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá bằng thư đảm bảo qua đường bưu điện**

Ngoài bao thư nhà đầu tư ghi rõ “Phiếu tham dự đấu giá mua cổ phần của SCIC tại CTCP Da Sài Gòn” cùng với tên và mã số nhà đầu tư và được gửi đến địa chỉ sau:

Phòng Tư vấn Doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

Địa chỉ: 198 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

- Phiếu tham dự đấu giá chỉ được chấp nhận khi thư bảo đảm của nhà đầu tư được bưu điện chuyển đến địa chỉ trên trước **16h00 ngày 06/09/2013**
- Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu Tổ chức bán đấu giá đổi phiếu mới (sau khi đã nộp phiếu cũ) chậm nhất trước 15 phút trước khi kết thúc thời gian bỏ phiếu vào thùng phiếu. Phiếu cũ coi như là không còn giá trị.
- Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị Tổ chức bán đấu giá cấp lại phiếu mới và phiếu cũ coi như không còn giá trị chậm nhất trước 15 phút trước khi kết thúc thời gian bỏ phiếu vào thùng phiếu. Phiếu cũ coi như là không còn giá trị.

6. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá

6.1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

Công ty Cổ phần Da Sài Gòn

- Địa chỉ: Số 6 đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
- Điện thoại : 08.38405731 Fax: 08.38405733

6.2. Thời gian tổ chức đấu giá:

Vào lúc 09h00 ngày 09/09/2013

6.3. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức bán đấu giá cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn **mười (10) ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá (**từ ngày 09/09/2013 đến 16h00 ngày 20/09/2013**).

Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản của SCIC

 **Thông tin nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền như sau:**

- Tên tài khoản: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
 - Số Tài khoản: 10201-000141311-3
 - Tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hà Nội
 - Nội dung: Họ tên/tên tổ chức; Số CMT/ Số ĐKKD (Ngày cấp, nơi cấp);
Thanh toán tiền mua cổ phần trúng giá Công ty cổ phần Da Sài Gòn.
- Đối với các bên tham gia đấu giá có tham dự cuộc đấu giá nhưng không được mua cổ phần thì trong bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. SCIC có trách nhiệm thanh toán lại tiền đặt cọc cho các đối tượng trên (**từ ngày 09/09/2013 đến 16h00 ngày 17/09/2013**).
- Đối với các bên tham gia đấu giá được quyền mua cổ phần theo kết quả đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được trừ vào tổng số tiền phải trả.

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 2. Phụ lục II : Quyết định bán phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.
- 3. Phụ lục III : Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đà Sài Gòn
- 4. Phụ lục IV : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011, BCTC năm 2012 và BCTC quý 1/2013

TP.HCM, ngày 05 tháng 08 năm 2013

Đại diện

Công ty cổ phần Đà Sài Gòn



NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Đại diện

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh



LÊ THANH TRÍ

